

An Khánh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;  
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã An Khánh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026 với các nội dung sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 324.754 triệu đồng, trong đó

- Thu nội địa 110.115 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 214.639 triệu đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 253.256 triệu đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn),

Trong đó:

a) Thu ngân sách địa phương được hiểu theo phân cấp: 38.617 triệu đồng, trong đó:

- Thuế ngoài quốc doanh: 15.282 triệu đồng.

- Lệ phí trước bạ: 6.770 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí: 845 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất: 13.300 triệu đồng.
- Tiền thuê đất: 404 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.010 triệu đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 1.000 triệu đồng.
- Các khoản thu còn lại khác: 6 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 214.639 triệu đồng, gồm:

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 213.559 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng

3. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: 253.256 triệu đồng (*Hai trăm năm mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*), gồm có:

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 13.300 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 234.990 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 4.966 triệu đồng.

(*Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm*)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước**

Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2026.

### **2. Đối với dự toán chi ngân sách**

2.1 Các phòng, ban, các đơn vị chủ động thực hiện điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chỉ lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; nghiêm túc thực hiện yêu cầu về “tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp”.

2.2 Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026, các phòng, ban, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các chương trình, nhiệm vụ của địa phương lập dự toán chi

tiết theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2.3 Giao Phòng Kinh tế xã hướng dẫn, giám sát các đơn vị được phân bổ sử dụng ngân sách tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ, số liệu báo cáo; đồng thời quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được phân bổ theo đúng qui định hiện hành.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Phòng, Ban, đơn vị thuộc xã;
- KBNN khu vực III Phòng GD số 4;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Hoa**

Biên số 2/2026-Ban hành kèm theo Thông tư 90/20178TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính  
 Đơn vị: Trường THCS Mỹ Đức  
 Chương: 622



## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ- THCS ngày 15 tháng 01 năm 2026 của trường THCS Mỹ Đức)

| SỐ TT | NỘI DUNG                                       | DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|
| I     | Tổng số thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí      | 11,480,000,000    |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                             |                   |
| 1.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 1.2   | Phí                                            |                   |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| 2.1   | Chi sự nghiệp                                  |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 2.2   | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                   |
| 3.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 3.2   | Phí                                            |                   |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 11,480,000,000    |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               | 10,218,000,000    |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         | 1,262,000,000     |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                            |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      |                   |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình         |                   |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| 4.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                             |                   |